

CÔNG TY TNHH MOONMILK
Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang,
Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
T: 02583 553 888

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Ký bởi: SỞ
CÔNG
THƯƠNG
Ngày ký: 20-
05-2026
15:56:35
+07:00

V/v. tự công bố sản phẩm.

Nha trang, ngày 07 tháng 05 năm 2026

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA

ĐẾN

Số: 886

Ngày: 20/05/2026

Chuyển:

Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA

Thực hiện Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, Công ty TNHH Moonmilk kính gửi. Sở Công Thương Tỉnh Khánh Hòa hồ sơ tự công bố cho sản phẩm thực phẩm nhập khẩu với chi tiết như sau:

Stt	Tên sản phẩm	Số công bố	Ngày công bố
1	Đậu gà hiệu MAKFA	39/Moonmilk/2026	01/05/2026

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố chất lượng và an toàn thực phẩm với sản phẩm đã công bố.

Hồ sơ đính kèm gồm:

- Bản tự công bố
- Phiếu kiểm nghiệm
- Giấy ĐKKD

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Long

1772

1772

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số : 39/Moonmilk/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH MOONMILK

Trụ sở: Tổ 13 Đường Dệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258 3553 888

Email: import2.moonmilk@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 4201570744, do Sở KH & ĐT tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 27/08/2013, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 09/01/2023.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Đậu gà hiệu MAKFA

2. Thành phần: 100% đậu gà

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 2 năm kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói: 450g hoặc khối lượng tịnh đúng với khối lượng tịnh đã ghi trên nhãn sản phẩm cho từng loại bao bì chứa đựng;

5. Chất liệu bao bì: Bao bì nhựa – phù hợp quy định an toàn vật liệu tiếp xúc thực phẩm của Bộ Y Tế

6. Nhà Sản Xuất: Công ty cổ phần «MAKFA», văn phòng 1, tòa 1, nhà 5, ngõ Vspolny, thành phố Moskva, 123001, Nga, điện thoại: 8-800-500-08-04, www.makfa.ru, makfa@makfa.ru.

Địa điểm sản xuất: Nhà sản xuất: 1* – Công ty TNHH «Yuzhnaya Risovaya Kompaniya», nhà 2, phố Elevatornaya, thị trấn Holmskaya, huyện Abinsky, vùng Krasnodar, 353307, Nga. Nhà sản xuất 2* – Công ty TNHH «Agro-Alyans», nhà 28, đại lộ Shuvalovsky, thành phố Saint Petersburg, 197373, Nga. Nhà sản xuất 3* – Công ty TNHH «Centralnaya Krupyanaya Kompaniya», nhà 2A, phố Magistralnaya, khu dân cư Volya, huyện Mtsensky, tỉnh Oryol, 303026, Nga.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn phụ và nhãn chính dự kiến

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Cty TNHH Moonmilk kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- QCVN 8-2: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

4.1. Các chỉ tiêu vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
01	TSVSVHK	CFU/g	2.9×10^2
02	E.coli	CFU/g	<10
03	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	<10
04	S. aureus	CFU/g	<10
05	CL. perfringens	CFU/g	<10
06	B. cereus	CFU/g	<10
07	Coliforms	CFU/g	<10

4.2. Hàm lượng kim loại nặng

Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
01	Asen (As)	mg/kg	0,1
02	Chì (Pb)	mg/kg	2

4.3. Độc tố vi nấm

Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT,

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
01	Aflatoxin B1	µg/kg	5
02	Aflatoxin tổng số	µg/kg	10
03	Ochratoxin A	µg/kg	3
04	Deoxynivalenol	µg/kg	750
05	Zearalenone	µg/kg	75



Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hòa, ngày 01 tháng 05 năm 2026

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

CHỖ ĐÓNG CHỮ



Nguyễn Hữu Long



1000



1000

1000

Nhãn phụ

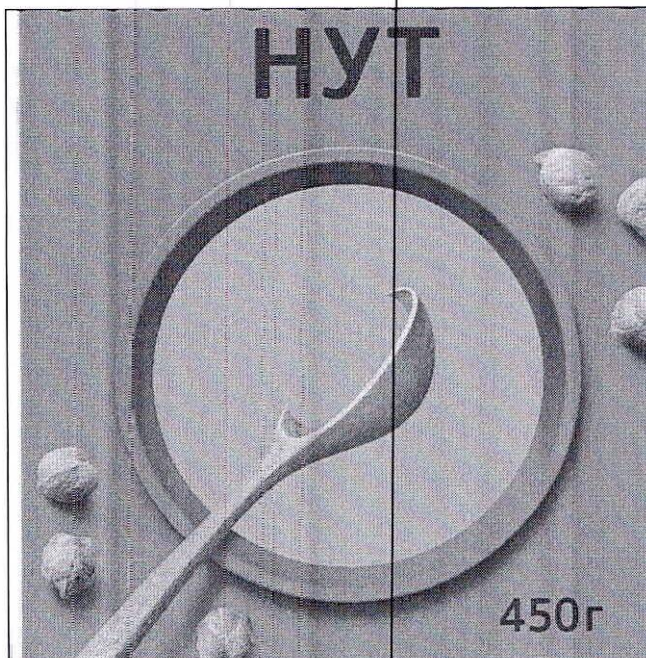


- Tên sản phẩm: Đậu gà hiệu MAKFA
- Thành phần: 100% hạt đậu gà
- Bảo quản: nơi khô ráo, thông thoáng, không bị côn trùng gây hại ngũ cốc xâm nhiễm, bảo đảm tuân thủ các quy định vệ sinh. .
- Hướng dẫn sử dụng: Ngâm đậu gà trong nước lạnh 12 giờ. Đổ bỏ nước, rửa đậu gà, sau đó lại đổ nước lạnh vào, đun sôi và nấu sau khi sôi trên lửa nhỏ, đậy nắp 60–90 phút theo tỷ lệ 1 phần đậu gà với 5 phần nước. Cuối quá trình nấu cho muối vừa ăn. Đậu gà đã nấu chín đổ ra rổ cho ráo.
Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm quá hạn hoặc có dấu hiệu hư hỏng.
Hạn sử dụng : 2 năm kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì sản phẩm.
- Quy cách và đóng gói: Xem trên bao bì
- Xuất xứ: Nga
- Công ty chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty cổ phần «MAKFA», văn phòng 1, tòa 1, nhà 5, ngõ Vspolny, thành phố Moskva, 123001, Nga
- Thương nhân nhập khẩu, phân phối và tự công bố sản phẩm:
CÔNG TY TNHH MOONMILK
Địa chỉ: Tổ 13 Đường Đệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
SĐT: 0258 3553 888
- Số công bố : 39/Moonmilk/2026

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g		
Năng lượng (Energy)		381 Kcal
Đạm (Protein)		19.9 g
Carbohydrat (Carbohydrate)		60.8 g
Béo tổng (Total fat)		6.47 g
Natri (Sodium)		12.7 g

15. Đậu gà 0,45×8

**BẢN DỊCH
TRANSLATION**



Đậu gà

450 g

Дата изготовления / Страна происхождения /
*Код изготовителя (верхняя строка):
Годен до / Номер партии (нижняя строка):
Өндірілген күні / Өндірген ел / *Өндіруші коды:
Жарамдылығы / Лек нөмірі:

Даярдалган күнү / Чыккан өлкөсү /
*Даярдоочунун коду:
Чейин жарамдуу / Партиянын номери:
Санап истеңсөл / Кишвари пайдоиш /
*Рамзи истеңсолжунандаро:
Мухлати истеъмоли то / Раҳами партия:

Ngày sản xuất / Nước xuất xứ /
*Mã nhà sản xuất (dòng trên):
Hạn dùng đến / Số lô (dòng dưới):

ĐẠI DIỆN CÔNG TY MOONMILK

GIÁM ĐỐC

(Đã ký và đóng dấu)

u

Hoan

24

RECEIVED
JUL 10 1964

100-100000-100000

**BẢN DỊCH
TRANSLATION**

RU Нут продовольственный. ГОСТ 8758-76. Масса нетто: 450 г.

Возможно наличие следов глютена. Страна происхождения указана после даты изготовления в специальном окне: R-Россия, A-Аргентина. Хранить в сухом прохладном месте. Пищевая ценность на 100 г продукта (средние значения): белки – 19,9 г; жиры – 5,2 г; углеводы – 65,9 г. Энергетическая ценность (калорийность) – 1651 кДж / 390 ккал. Рекомендации по приготовлению: Замочить нут в холодной воде на 12 часов. Воду слить, нут промыть, затем снова залить холодной водой, довести до кипения и варить после закипания на медленном огне под крышкой 60-90 мин. в соотношении 1 часть нута на 5 частей воды. В конце варки посолить по вкусу. Готовый нут откинуть на дуршлаг. Изготовитель: 1* - ООО «Южная рисовая компания», Россия, 353307, Краснодарский край, Абинский район, станция Холмская, ул. Элеваторная, д. 2.

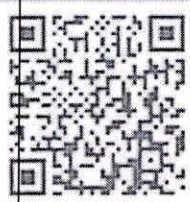
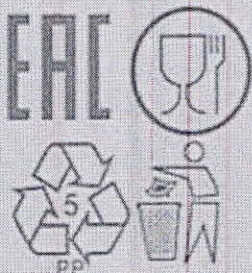
RU: Đậu gà dùng làm thực phẩm. GOST 8758-76. Khối lượng tịnh: 450 g. Có thể có vết gluten. Nước xuất xứ được ghi sau ngày sản xuất trong ô chuyên biệt: R – Nga, A – Argentina. Bảo quản nơi khô ráo, mát.

Giá trị dinh dưỡng trên 100 g sản phẩm (giá trị trung bình): chất đạm – 19,9 g; chất béo – 5,2 g; carbohydrate – 65,9 g. Giá trị năng lượng (calo) – 1651 kJ / 390 kcal.

Khuyến nghị cách chế biến: Ngâm đậu gà trong nước lạnh 12 giờ. Đổ bỏ nước, rửa đậu gà, sau đó lại đổ nước lạnh vào, đun sôi và nấu sau khi sôi trên lửa nhỏ, đun nắp 60–90 phút theo tỷ lệ 1 phần đậu gà với 5 phần nước. Cuối quá trình nấu cho muối vừa ăn. Đậu gà đã nấu chín đổ ra rổ cho ráo.

Nhà sản xuất: 1* – Công ty TNHH «Yuzhnaya Risovaya Kompaniya», nhà 2, phố Elevatornaya, thị trấn Holmskaya, huyện Abinsky, vùng Krasnodar, 353307, Nga.

2* - ООО «Агро-Альянс», Россия, 197373, г. Санкт-Петербург, пр. Шуваловский, д. 28.
3* - ООО «Центральная крупяная компания», Россия, 303026, Орловская область, Мценский район, п. Воля, ул. Магистральная, д. 2А.
Изготовлено по заказу АО «МАКФА», Россия 123001, г. Москва, пер. Вспольный, д. 5, стр. 1, офис 1, тел.: 8-800-500-08-04.
ПОСТАВЩИК В РЕСПУБЛИКУ БЕЛАРУСЬ: ООО «Тибетрэй», г. Минск, ул. Уручская, д. 11а, оф. 43. Тел.: 8-017-389-06-40.



Смотрите рецепты
на каждый день

2* – Công ty TNHH «Agro-Alyans», nhà 28, đại lộ Shuvalovsky, thành phố Saint Petersburg, 197373, Nga.

3* – Công ty TNHH «Centralnaya Krupyanaya Kompaniya», nhà 2A, phố Magistralnaya, khu dân cư Volya, huyện Mtsensky, tỉnh Oryol, 303026, Nga.

Sản xuất theo đơn đặt hàng của Công ty cổ phần «МАКФА», văn phòng 1, tòa 1, nhà 5, ngõ Vspolny, thành phố Moskva, 123001, Nga, điện thoại: 8-800-500-08-04.

NHÀ CUNG CẤP TẠI CỘNG HÒA BELARUS: Công ty TNHH «Tibetrey», văn phòng 43, nhà 11a, phố Uruchskaya, thành phố Minsk, Cộng hòa Belarus. Điện thoại: 8-017-389-06-40. EAC

Xem các công thức nấu ăn cho mỗi ngày

u

flame

Tôi, Ngô Đình Hoàn, CCCD số: 034080013001 cấp ngày 29/04/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về TTXH; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ **tiếng Nga sang tiếng Việt**.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026
Người dịch ký và ghi rõ họ tên


Ngô Đình Hoàn

Ngày 16 tháng 01 năm 2026 (Bằng chữ: Ngày mười sáu, tháng một, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu)
Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

Tôi, **CÔNG CHỨNG VIÊN** là Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội **Trần Thị Huyền**

CHỨNG THỰC

- Ông Ngô Đình Hoàn là người đã ký vào từng trang bản dịch này. Người thực hiện chứng thực đã đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Văn bản chứng thực này được lập thành 2 bản gốc (mỗi bản gốc gồm 3 tờ, 3 trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số chứng thực: 6395 Quyền số: 01/2026 - SCT/CKND

Người thực hiện chứng thực
Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu
CÔNG CHỨNG VIÊN



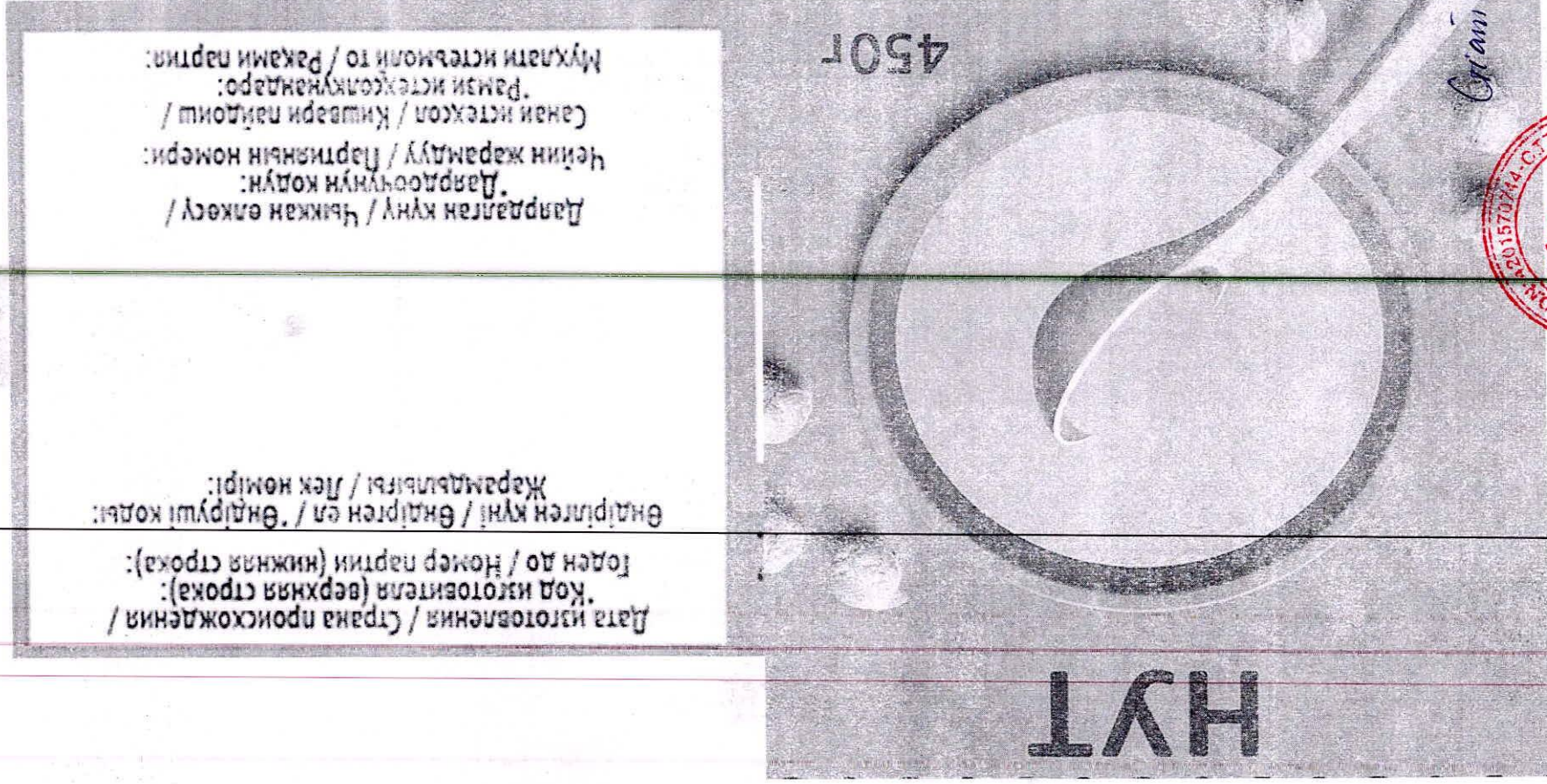
CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Thị Huyền

1911. 11. 11



1911. 11. 11

15 Chickpea 0,45 / Hyt 0,45x8
4 601780 020019



Нут продовольственный. ГОСТ 8758-76. Масса нетто: 450 г.

Возможно наличие следов глютена. Страна происхождения указана после даты изготовления в специальном окне: R - Россия, A - Аргентина. Хранить в сухом прохладном месте. Пищевая ценность на 100 г продукта (средние значения): белки - 19,9 г; жиры - 5,2 г; углеводы - 65,9 г. Энергетическая ценность (калорийность) - 1651 кДж / 390 ккал. Рекомендации по приготовлению: Замочить нут в холодной воде на 12 часов. Воду слить, нут промыть, затем снова залить холодной водой, довести до кипения и варить после закипания на медленном огне под крышкой 60-90 мин. в соотношении 1 часть нута на 5 частей воды. В конце варки посолить по вкусу. Готовый нут откинуть на дуршлаг.

Изготовитель: 1° - ООО «Южная рисовая компания», Россия, 353307, Краснодарский край, Абинский район, станица Холмская, ул. Элеваторная, д. 2.

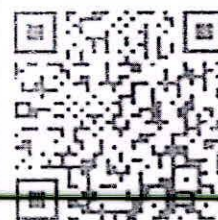
2° - ООО «Агро-Альянс», Россия, 197373, г. Санкт-Петербург, пр. Шуваловский, д. 28.

3° - ООО «Центральная крупяная компания», Россия, 303026, Орловская область, Мценский район, п. Воля, ул. Магистральная, д. 2А.

Изготовлено по заказу АО «МАКФА», Россия 123001, г. Москва, пер. Вспольный, д. 5, стр. 1, офис 1, тел.: 8-800-500-08-04.

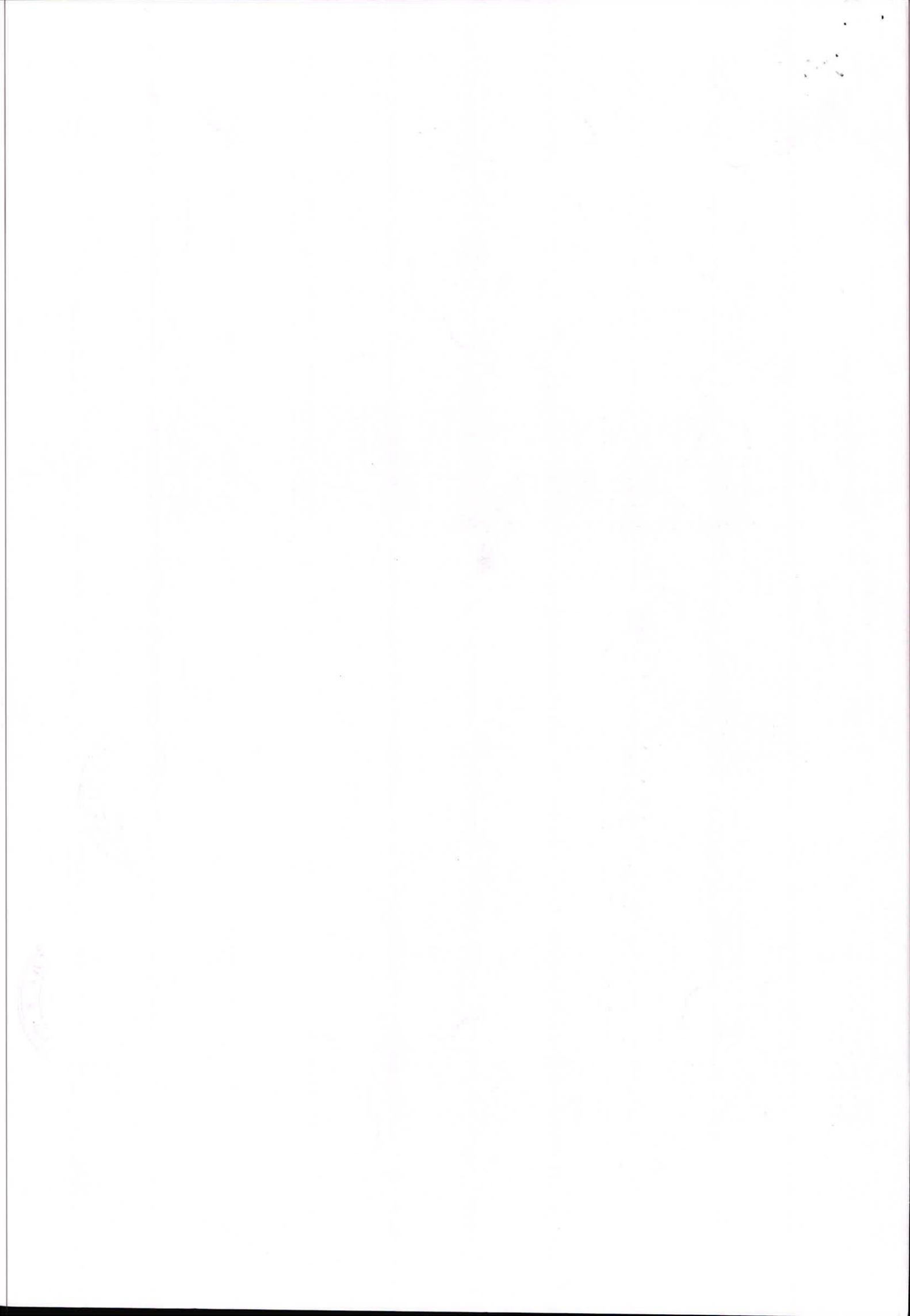
ПОСТАВЩИК В РЕСПУБЛИКУ БЕЛАРУСЬ: ООО «Тибетрэй», г. Минск, ул. Уручская, д. 11а, оф. 43. Тел.: 8-017-389-06-40.

EAC



Сканируйте QR-код
для получения информации







AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK

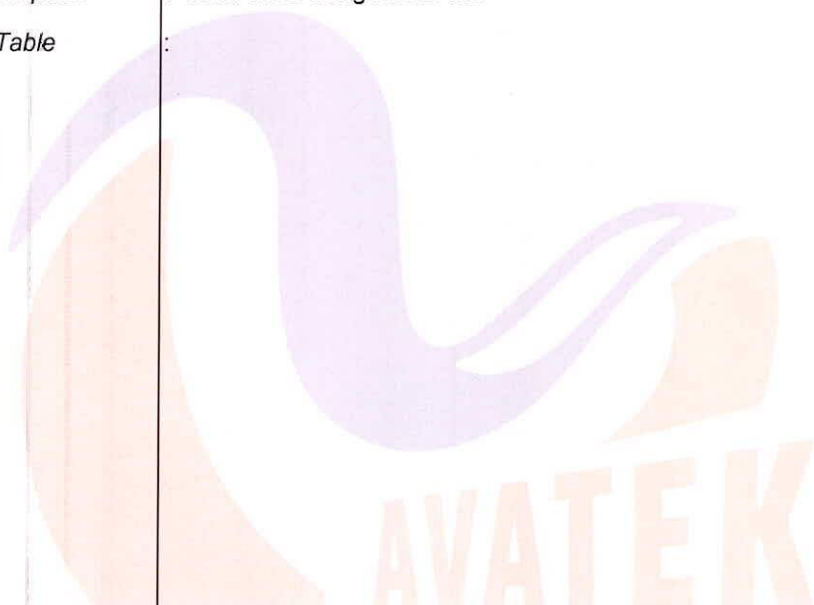


Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: QOD9260300288-15 (1/4)

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MOONMILK
Địa chỉ/ Client's Address : Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 17/03/2026
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 17/03/2026 - 27/03/2026
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 30/03/2026
Thông tin mẫu/ Name of Sample : ĐẬU GÀ HIỆU MAKFA
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 2/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: QOD9260300288-15 (1/4)

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Năng lượng (Tính từ protein, béo và carbohydrate) (*) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate) (*)	381	kcal/100g	AVA-KN-PP.HL/10
2	Đạm (*) / Protein (*)	19.9	g/100g	AVA-KN-PP.HL/01
3	Carbohydrat (*) / Carbohydrate (*)	60.8	g/100g	AVA-KN-PP.HL/04
4	Béo tổng (*) / Total fat (*)	6.47	g/100g	AVA-KN-PP.HL/02
5	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	12.7	mg/100g	AVA-KN-PP.QP/063

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (**) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi/ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản/ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện/ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện/ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ" / When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
- Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 04 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 04 reports in the overall analysis.



GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: QOD9260300288-15 (2/4)

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MOONMILK
Địa chỉ/ Client's Address : Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 17/03/2026
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 17/03/2026 - 27/03/2026
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 30/03/2026
Thông tin mẫu/ Name of Sample : ĐẬU GÀ HIỆU MAKFA
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
2	Aflatoxin tổng số (*) / Total Aflatoxin (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
3	Ochratoxin A (*) / Ochratoxin A (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.3)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211

Qua





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 2/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: QOD9260300288-15 (2/4)

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
4	Deoxynivalenol (*) / Deoxynivalenol (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
5	Zearalenone (*) / Zearalenone (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (**) : (*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi/ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản/ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đếm đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
- Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 04 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 04 reports in the overall analysis.

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

TRẦN HOÀNG VINH





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK

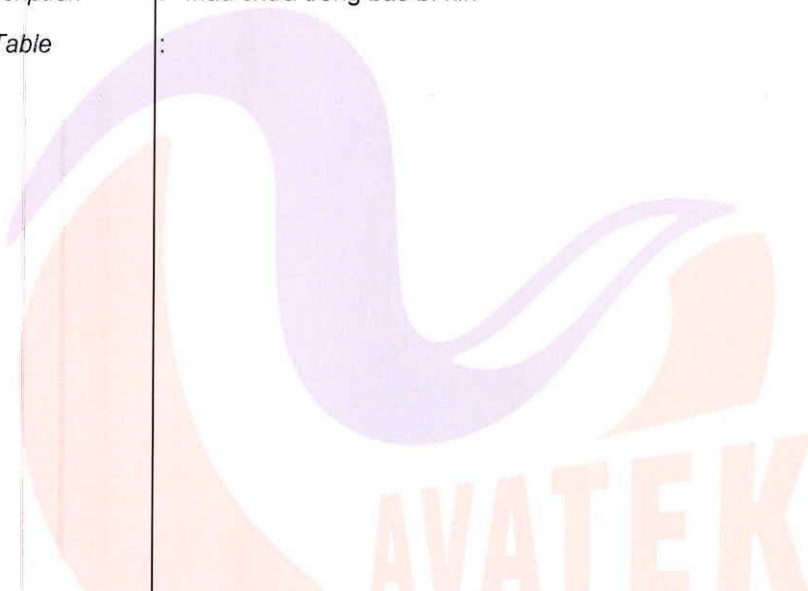


Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: QOD9260300288-15 (3/4)

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MOONMILK
Địa chỉ/ Client's Address : Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 17/03/2026
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 17/03/2026 - 27/03/2026
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 30/03/2026
Thông tin mẫu/ Name of Sample : ĐẬU GÀ HIỆU MAKFA
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :



Quu





KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: QOD9260300288-15 (3/4)

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	0.019	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
2	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	0.018	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**): (*) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (**): (*) Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi/ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản/ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
12. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
13. Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 04 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 04 reports in the overall analysis.

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK

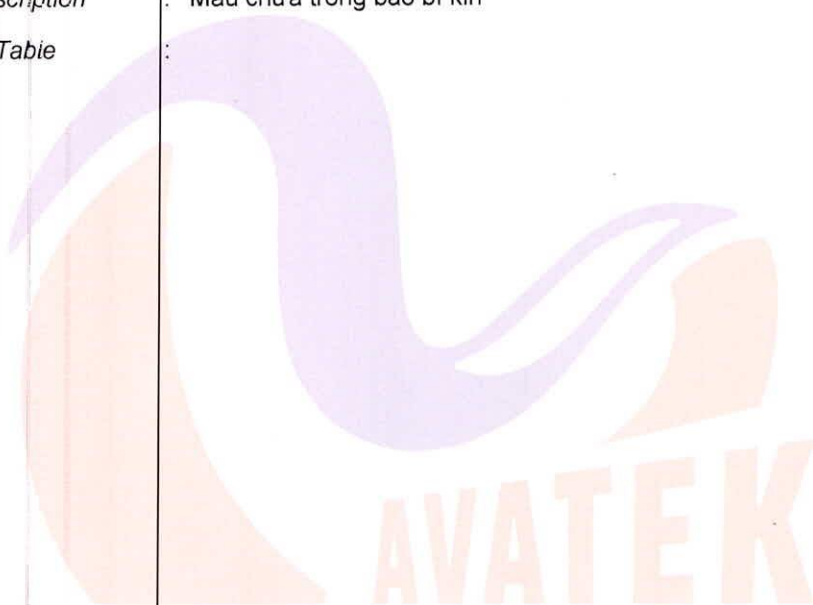


Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: QOD9260300288-15 (4/4)

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MOONMILK
Địa chỉ/ Client's Address : Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 17/03/2026
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 17/03/2026 - 27/03/2026
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 30/03/2026
Thông tin mẫu/ Name of Sample : ĐẬU GÀ HIỆU MAKFA
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 2/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: QOD9260300288-15 (4/4)

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	2.9×10^2	CFU/g	ISO 4833-1:2013/Amd 1:2022
2	Coliforms (*) / Coliforms (*)	<10	CFU/g	TCVN 6848:2007(ISO 4832:2006)
3	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	<10	CFU/g	TCVN 7924-2:2008(ISO 16649-2:2001)
4	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	<10	CFU/g	AOAC 975.55
5	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	<10	CFU/g	ISO 15213-2:2023
6	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	<10	CFU/g	AOAC 980.31
7	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	<10	CFU/g	Ref. TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (**)(*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi/ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản/ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện/ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện/ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
- Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 04 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 04 reports in the overall analysis.



GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH



